

Bản án số: 81/2026/KDTM-ST
Ngày: 20-4-2026
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Thị Hồng Đào

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Thu Hương
- Ông Trần Văn Tài

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Đỗ Ngọc Thành Nguyên là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Phan Thị Hoài - Kiểm sát viên.

Vào ngày 20 tháng 4 năm 2026, tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 145/2025/TLST-KDTM ngày 12 tháng 11 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 182/2025/QĐXXST-KDTM ngày 26 tháng 02 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 246/2026/QĐST-KDTM ngày 25 tháng 3 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần V1; trụ sở: số H đường L, phường D, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp: ông Võ Thanh T, sinh năm 2000; địa chỉ liên hệ: tầng 1, số I đường C, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh; là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (văn bản ủy quyền số 4008/2026/UQN-TP ngày 09/02/2026).

Bị đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn T1; trụ sở: số D đường số A, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Tấn V, sinh năm 1980; địa chỉ: số D khu phố C, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1984; địa chỉ: số D khu phố C, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Ông Phạm Tấn V, sinh năm 1980; địa chỉ: số D khu phố C, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh..

(Ông H1 có mặt; ông V và bà H vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện ngày 27 tháng 8 năm 2025, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông Võ Thanh T là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngày 01/11/2019, ông Phạm Tấn V là người đại diện hợp pháp của Công ty Trách nhiệm hữu hạn T1 (viết tắt là Công ty) ký Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế dành cho khách hàng doanh nghiệp, mã khách hàng số 4909928, số 0311041584 đối với Ngân hàng Thương mại cổ phần V1 (viết tắt là Ngân hàng).

Theo đó, Ngân hàng đồng ý cấp thẻ tín dụng cho Công ty có nội dung như sau: hạn mức thẻ tín dụng: 50.000.000 đồng; thời hạn hạn mức thẻ tín dụng: 60 tháng; lãi suất trong hạn: 32%/năm; lãi suất, phí và các điều kiện khác được áp dụng theo Bản Điều kiện giao dịch chung về phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế dành cho khách hàng doanh nghiệp được công bố trên website: (gọi tắt là Bản điều kiện giao dịch chung).

Để bảo đảm cho nghĩa vụ thanh toán phát sinh từ khoản thẻ tín dụng nêu trên, ông Phạm Tấn V đã ký Hợp đồng bảo lãnh số GVP/19162 ngày 01/11/2019 và bà Nguyễn Thị H đã ký Hợp đồng bảo lãnh số GVP/19163 ngày 01/11/2019 có nội dung ông V, bà H bảo lãnh bằng toàn bộ tài sản của mình, bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ hiện tại và nghĩa vụ tương lai bao gồm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi, các khoản phí, các khoản phạt, các khoản bồi thường thiệt hại và tất cả các nghĩa vụ tài chính khác của Công ty đối với Ngân hàng phát sinh từ tất cả các văn kiện tín dụng.

Quá trình sử dụng thẻ tín dụng, Công ty đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận đã ký kết, không thực hiện việc trả nợ đúng hạn cho Ngân hàng. Do đó, toàn bộ dư nợ thẻ tín dụng đã bị chuyển sang nợ quá hạn và phải chịu lãi suất quá hạn theo quy định từ ngày 23/10/2024.

Tại tòa, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu:

Công ty Trách nhiệm hữu hạn T1 có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V1 tổng số tiền nợ tính đến ngày 20/4/2026 là 84,911,183 đồng ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật, trong đó: nợ gốc là 49,371,782 đồng, nợ lãi là 35,539,401 đồng.

Kể từ ngày 21/4/2025, Ngân hàng được tiếp tục tính tiền lãi đối với số tiền chưa thanh toán theo đúng thỏa thuận tại Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế dành cho khách hàng doanh nghiệp ngày 01/11/2019 và Bản điều kiện giao dịch chung cho đến khi Công ty thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

- Trường hợp Công ty không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, ông **Phạm Tấn V** và bà **Nguyễn Thị H** có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ khoản nợ nêu trên theo các Hợp đồng bảo lãnh đã ký với Ngân hàng.

2. Ông **Phạm Tấn V**, bà **Nguyễn Thị H** không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

3. Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự về xác định thẩm quyền giải quyết, tư cách tố tụng, thu thập chứng cứ; thực hiện việc gửi các văn bản tố tụng, hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định. Tuy nhiên, Thẩm phán vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa: Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 73 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Việc giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bị đơn trả nợ vay theo hợp đồng tín dụng đã ký. Bị đơn có địa chỉ trụ sở tại **phường T, Thành phố Hồ Chí Minh**. Căn cứ khoản 1 Điều 30, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2

Điều 1 của Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án, quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng tín dụng, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Về người tham gia tố tụng:

Bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai mà vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoạt trở ngại khách quan, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

2.1. Về nghĩa vụ trả nợ của bị đơn:

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã Tòa án niêm yết thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nhưng bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt, không nộp (*gửi*) cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình, không cung cấp tài liệu chứng cứ để xác nhận hoặc phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Theo khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định: “Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc”.

Xét, Công ty và Ngân hàng tự nguyện thỏa thuận các nội dung trong Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế dành cho khách hàng doanh nghiệp ngày 01/11/2019 phù hợp với Điều 91, 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Xét, căn cứ vào Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế dành cho khách hàng doanh nghiệp ngày 01/11/2019 và bảng tổng hợp dư nợ của Công ty tính đến ngày 20/4/2026, Hội đồng xét xử xét thấy Ngân hàng yêu Công ty trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là 49,371,782 đồng và nợ lãi là 35,539,401 đồng là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét, Ngân hàng yêu cầu Công ty tiếp tục trả lãi quá hạn theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay đã ký kể từ ngày 21/4/2026 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số nợ là phù hợp với Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét, Công ty vi phạm nghĩa vụ trả nợ đã lâu nên Ngân hàng yêu cầu Công ty trả nợ gốc và nợ lãi ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật, Hội đồng xét xử chấp nhận.

2.2. Về nghĩa vụ trả nợ của người bảo lãnh:

Xét, ông **V**, bà **H** ký bảo lãnh thực hiện toàn bộ nghĩa vụ đối với Ngân hàng gồm nợ gốc, lãi, các khoản phí, các khoản phạt phát sinh từ tất cả văn kiện tín dụng theo khoản 1 Điều 1 của Hợp đồng bảo lãnh số GVP/19162 ngày 01/11/2019 và Hợp đồng bảo lãnh số GVP/19163 ngày 01/11/2019 là phù hợp với quy định tại Điều 333, Điều 336 của Bộ luật dân sự.

Xét, Ngân hàng yêu cầu ông **V** và bà **H** thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho Công ty nếu khi đến hạn thực hiện nghĩa vụ mà Công ty không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ là phù hợp với điểm a khoản 1 Điều 2 của Hợp đồng bảo lãnh số GVP/19162 ngày 01/11/2019, Hợp đồng bảo lãnh số GVP/19163 ngày 01/11/2019 và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 339, Điều 340 và khoản 1 Điều 342 của Bộ luật dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 – Thành phố Hồ Chí Minh về việc giải quyết vụ án là có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đối với số tiền phải trả cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 5, khoản 1 Điều 30, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 150, Điều 227, Điều 228, Điều 244, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025;

- Căn cứ Điều 333, Điều 336, khoản 1 Điều 339, Điều 340 và khoản 1 Điều 342 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 91, Điều 95 và Điều 98 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

- Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn T1 có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V1 toàn bộ nợ gốc và nợ lãi tính đến ngày 20/4/2026 là 84,911,183 (tám mươi bốn triệu chín trăm mười một ngàn một trăm tám mươi ba) đồng ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật, trong đó: nợ gốc là 49,371,782 (bốn mươi chín triệu ba trăm bảy mươi một ngàn bảy trăm tám mươi hai) đồng, nợ lãi là 35,539,401 (ba mươi lăm triệu năm trăm ba mươi chín ngàn bốn trăm lẻ một) đồng.

Kể từ ngày 21 tháng 4 năm 2026 cho đến khi thi hành án xong, Công ty Trách nhiệm hữu hạn T1 còn phải chịu tiền lãi quá hạn của số tiền chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Giấy đề nghị kèm Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế dành cho khách hàng doanh nghiệp ngày 01/11/2019 và Bản điều kiện giao dịch chung.

Trường hợp trong văn bản tín dụng nêu trên, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất sẽ được tiếp tục điều chỉnh tại giai đoạn thi hành án.

Trường hợp Công ty không thanh toán hoặc không thanh toán đầy các khoản nợ nêu trên cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V1 thì bà Nguyễn Thị H và ông Phạm Tấn V dùng toàn bộ tài sản cá nhân để thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn T1 theo Hợp đồng bảo lãnh số GVP/19162 ngày 01/11/2019 và Hợp đồng bảo lãnh số GVP/19163 ngày 01/11/2019.

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty Trách nhiệm hữu hạn T1 phải nộp số tiền án phí là 4,245,559 (bốn triệu hai trăm bốn mươi lăm ngàn năm trăm năm mươi chín ngàn) đồng.

Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V1 số tiền tạm ứng án phí là 3.000.000 (ba triệu) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu BLTU/25E số 0037583 ngày 12/11/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về nghĩa vụ thi hành án:

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014.

4. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7
Thành phố Hồ Chí Minh;
- Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Châu Thị Hồng Đào

**Thành viên
Hội đồng xét xử**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Châu Thị Hồng Đào

Nơi nhận: TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- Các đương sự; **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7
Thành phố Hồ Chí Minh;
- Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Châu Thị Hồng Đào

**Thành viên
Hội đồng xét xử**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Châu Thị Hồng Đào

